

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL24BTS
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

ST T	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật(1)	Lý luận nhà nước và pháp luật(2)	Luật Hiến pháp và Hành chính(2)	Luật Đất đai(2)	Kỹ năng mềm(2)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Nghệ thuật và Văn hóa(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996	9.9	9.5	8.3	7.8	7.0	9.2	7.7	6.0	5.9	7.7	7.4	Khá
02	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990	9.4	9.4	9.6	9.5	8.0	10.0	8.6	7.2	6.4	7.5	8.3	Giỏi
03	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988	8.5	8.6	8.0	8.9	7.5	9.6	8.9	7.2	6.1	7.7	8.0	Giỏi
04	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992	2.1	3.8	2.0	8.2	6.6	9.2	9.2	6.1	5.2	3.2	6.5	Trung bình
05	2453801010005	Đặng Nguyễn Xuân Dương	09/03/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
06	2453801010006	Trần Cường Em	03/10/1993	7.0	9.4	9.3	9.5	8.0	9.3	8.7	6.0	6.7	7.9	8.1	Giỏi
07	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	20/05/1991	9.2	8.8	8.7	9.2	7.8	9.9	9.1	6.1	6.7	7.7	8.1	Giỏi
08	2453801010008	Lê Huỳnh Hảo	28/06/1983	7.2	9.9	8.9	9.2	7.3	10.0	8.9	7.0	6.7	8.3	8.2	Giỏi
09	2453801010009	Lê Hùng Hào	13/08/1995	6.8	9.3	9.2	8.8	7.0	9.9	8.6	7.1	5.6	8.5	8.0	Giỏi
10	2453801010010	Trần Vĩ Khang	06/11/2004	8.8	8.4	9.6	9.3	7.7	9.8	9.3	8.4	7.8	8.0	8.7	Giỏi
11	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh Khoa	31/08/2008	5.7	8.6	7.8	8.8	6.1	9.5	8.1	5.6	5.6	5.1	7.0	Khá
12	2453801010012	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/04/1998	9.6	8.6	8.5	9.0	7.4	9.7	9.3	6.3	8.0	7.7	8.2	Giỏi
13	2453801010013	Phan Hoàng Phú Lâm	22/12/2001	9.9	9.4	8.0	9.3	7.9	9.6	8.6	7.2	6.5	8.5	8.2	Giỏi
14	2453801010014	Nguyễn Thị Thuỳ Liên	19/08/2003	8.9	9.5	9.3	9.1	8.2	3.8	8.4	6.2	2.8	8.0	6.8	Trung bình
15	2453801010015	Trần Thị Mỹ Linh	21/06/2007	3.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
16	2453801010016	Võ Quang Linh	05/02/1987	5.6	8.3	8.6	8.7	7.5	9.7	9.3	6.8	7.6	6.7	8.1	Giỏi
17	2453801010017	Đỗ Thành Lợi	10/10/2004	9.0	9.8	9.3	9.3	7.0	9.9	8.2	7.8	7.9	7.7	8.3	Giỏi
18	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học Luật	20/10/1987	5.2	8.8	9.2	9.3	8.1	9.7	9.2	7.5	6.8	8.2	8.5	Giỏi
19	2453801010019	Lâm Thị Trúc Ly	01/01/1989	7.3	8.2	9.2	9.5	7.8	9.9	8.7	6.0	7.8	7.2	8.2	Giỏi
20	2453801010020	Huỳnh Thị Thu Lý	28/06/1992	8.6	9.7	8.5	9.3	7.4	9.9	9.4	6.9	6.0	8.0	8.2	Giỏi

ST T	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)		Giáo dục QP - An ninh(2)		Pháp luật(1)	Lý luận nhà nước và pháp luật(2)		Luật Hiến pháp và Hành chính(2)		Luật Đất đai(2)	Kỹ năng mềm(2)		Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Nghịệp vụ ĐK và QL hộ tịch(2)		Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
21	2453801010021	Hứa Hoàng	Nam	04/11/1982	6.0	8.8	8.3	8.7	7.2	9.1	7.3	5.8	5.7	7.3	7.4						7.4	Khá
22	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên	Nga	06/02/1987	8.4	9.2	7.4	9.0	7.2	8.4	8.3	6.0	5.7	6.8	7.3						7.3	Khá
23	2453801010023	Châu Thị Lan	Ngọc	15/10/2001	6.9	8.8	9.3	9.1	7.9	9.9	7.8	6.1	7.1	7.8	8.0						8.0	Giỏi
24	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20/04/2006	7.5	8.4	9.3	9.5	7.0	10.0	9.2	7.3	7.7	7.4	8.4						8.4	Giỏi
25	2453801010025	Lư Hoàng	Phuong	19/03/1999	9.5	9.2	7.8	2.0	2.1	0.0	3.0	2.9	0.0	6.7	2.7						2.7	Yếu
26	2453801010026	Chau	Thi	03/03/1998	5.5	8.8	8.5	8.2	7.4	9.6	7.0	6.5	6.7	7.9	7.7						7.7	Khá
27	2453801010027	Nguyễn Tấn	Thủ	01/01/1982	8.1	9.8	9.4	9.1	6.2	9.8	8.8	7.9	6.6	8.1	8.2						8.2	Giỏi
28	2453801010028	Ngô Lê Thái	Thuận	08/05/2004	9.6	8.4	9.2	8.6	7.0	9.2	6.8	6.3	5.7	7.3	7.4						7.4	Khá
29	2453801010029	Khuru Thị Thanh	Thúy	11/11/1999	8.3	8.6	9.2	9.6	8.1	9.9	9.8	8.5	6.7	8.4	8.7						8.7	Giỏi
30	2453801010030	Nguyễn Ngọc	Trí	01/04/1995	9.9	8.5	9.3	9.5	8.3	9.9	9.5	8.2	7.4	8.2	8.8						8.8	Giỏi
31	2453801010031	Nguyễn Thanh	Tùng	10/07/1987	9.8	9.8	8.6	8.4	7.1	9.5	7.2	6.4	7.2	7.2	7.6						7.6	Khá
32	2453801010032	Hà Thị Kim	Tuyền	20/02/1998	8.8	8.9	8.9	3.3	2.5	0.0	3.4	2.5	0.0	7.8	3.2						3.2	Yếu
33	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/01/1979	8.6	8.6	9.0	8.8	7.1	10.0	9.3	6.2	7.0	7.6	8.1						8.1	Giỏi
34	2453801010034	Dương Quốc	Vũ	06/09/1994	8.6	9.8	8.4	8.0	7.9	3.2	9.1	7.3	0.0	7.3	6.3						6.3	Trung bình
35	2453801010035	Khuru Thuý	Vy	05/02/2005	9.7	8.5	9.2	9.2	8.3	10.0	9.0	7.2	7.2	7.5	8.4						8.4	Giỏi

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 04 tháng 12 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái